

BỘ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Chân trời sáng tạo****ĐỀ 1****I. TRẮC NGHIỆM***(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)***Câu 1.** Số “Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu” viết là:

- A. 70 326 B. 27 306 C. 72 306 D. 62 307

Câu 2. Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

- A. 4 tháng B. 5 tháng C. 7 tháng D. 8 tháng

Câu 3. Trong các số dưới đây, số lớn nhất là:

- A. 68 409 B. 67 934 C. 66 804 D. 68 712

Câu 4. Chữ số 8 trong số 48 135 có giá trị là:

- A. 8 000 B. 8 135 C. 800 D. 80

Câu 5. Mẹ mua 8 quả cam và ép tất cả lấy nước. Mỗi quả cam sau khi ép cho khoảng 150 ml nước cam. Mẹ rót lượng nước cam ép vào đầy 3 chiếc cốc. Vậy lượng nước cam có trong mỗi cốc là:

- A. 400 ml B. 800 ml C. 1200 ml D. 600 ml

Câu 6. Mẹ mua cho Huyền một quyển truyện giá 25 000 đồng và một cái bút chì giá 7 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng một tờ giấy bạc 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng cần trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

- A. 32 000 đồng B. 28 000 đồng
C. 15 000 đồng D. 18 000 đồng

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

54 275 + 22 107	75 362 – 24 935	21 817 x 3	23 436 : 3
.....
.....
.....

Câu 2. Tính giá trị biểu thức:

a) $(8\ 370 - 4\ 525) : 5$ b) $45\ 138 + 29\ 648 : 4$

.....

.....

.....

Câu 3. Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều dài 105 m và chiều rộng bằng 68 m. Tính chu vi của sân bóng đá đó?

Câu 4. Một công ty thiết bị y tế lần thứ nhất đã nhập về 25 300 chiếc khẩu trang, lần thứ hai nhập ít hơn lần thứ nhất 8 600 chiếc khẩu trang. Hỏi cả hai lần công ty đã nhập về bao nhiêu chiếc khẩu trang.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số “Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu” viết là:

- A. 70 326 B. 27 306 C. 72 306 D. 62 307

Phương pháp

Để đọc số có năm chữ số, ta đọc lần lượt từ hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị từ trái sang phải.

Cách giải

Số “Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu” đọc là 72 306.

Chọn C.

Câu 2. Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

- A. 4 tháng B. 5 tháng C. 7 tháng D. 8 tháng

Phương pháp

Em có thể xác định các tháng có 31 ngày dựa theo các khớp lồi trên 2 bàn tay, đếm lần lượt từ tay trái đến tay phải, từ tháng 1 đến tháng 12.

Cách giải

Trong một năm có 7 tháng có 31 ngày là tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12

Chọn C.

Câu 3. Trong các số dưới đây, số lớn nhất là:

A. 68 409

B. 67 934

C. 66 804

D. 68 712

Phương pháp

So sánh các số đã cho rồi kết luận.

Cách giảiTa có $66\ 804 < 67\ 934 < 68\ 409 < 68\ 712$

Vậy số lớn nhất là 68 712

Chọn D.

Câu 4. Chữ số 8 trong số 48 135 có giá trị là:

A. 8 000

B. 8 135

C. 800

D. 80

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 8 từ đó chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Chữ số 8 trong số 48 135 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 8 000.

Chọn A.

Câu 5. Mẹ mua 8 quả cam và ép tất cả lấy nước. Mỗi quả cam sau khi ép cho khoảng 150 ml nước cam. Mẹ rót lượng nước cam ép vào đầy 3 chiếc cốc. Vậy lượng nước cam có trong mỗi cốc là:

A. 400 ml

B. 800 ml

C. 1200 ml

D. 600 ml

Phương pháp

- Tìm số mi-li-lít ép được từ 8 quả cam

- Tìm số mi-li-lít nước cam ở mỗi cốc

Cách giải

Số mi-li-lít nước cam ép được từ 8 quả cam là

$$150 \times 8 = 1\ 200 \text{ (ml)}$$

Lượng nước cam có trong mỗi cốc là

$$1\ 200 : 3 = 400 \text{ (ml)}$$

Đáp số: 400 ml

Chọn A.

Câu 6. Mẹ mua cho Huyền một quyển truyện giá 25 000 đồng và một cái bút chì giá 7 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng một tờ giấy bạc 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng cần trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

A. 32 000 đồng

B. 28 000 đồng

C. 15 000 đồng

D. 18 000 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền mẹ mua tất cả = Giá tiền quyển truyện + giá tiền cái bút

- Tìm số tiền được trả lại = Số tiền mẹ đưa cô bán hàng - số tiền mẹ mua tất cả

Cách giải

Số tiền mẹ mua quyển truyện và cái bút chì là

$$25\ 000 + 7\ 000 = 32\ 000 \text{ (đồng)}$$

Cô bán hàng cần trả lại mẹ số tiền là

$$50\ 000 - 32\ 000 = 18\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 18 000 đồng

Chọn D.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$54\ 275 + 22\ 107$$

$$75\ 362 - 24\ 935$$

$$21\ 817 \times 3$$

$$23\ 436 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.
- Nhân lần lượt thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất, lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 54\ 275 \\ + 22\ 107 \\ \hline 76\ 382 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75\ 362 \\ - 24\ 935 \\ \hline 50\ 427 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21\ 817 \\ \times 3 \\ \hline 65\ 451 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23\ 436 \quad | \quad 3 \\ 24 \quad | \quad 7812 \\ \hline 03 \\ 06 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị biểu thức:

a) $(8\ 370 - 4\ 525) : 5$

b) $45\ 138 + 29\ 648 : 4$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép ở trong ngoặc trước
- Với biểu thức có chứa phép chia và phép cộng, ta thực hiện phép chia trước

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } (8\ 370 - 4\ 525) : 5 &= 3\ 845 : 5 \\ &= 769 \end{aligned}$$

$$\text{b) } 45\ 138 + 29\ 648 : 4 = 45\ 138 + 7\ 412$$

$$= 52\,550$$

Câu 3. Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều dài 105 m và chiều rộng bằng 68 m. Tính chu vi của sân bóng đá đó?

Phương pháp

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Cách giải

Chu vi của sân bóng đá là

$$(105 + 68) \times 2 = 346 \text{ (m)}$$

Đáp số: 346 m

Câu 4. Một công ty thiết bị y tế lần thứ nhất đã nhập về 25 300 chiếc khẩu trang, lần thứ hai nhập ít hơn lần thứ nhất 8 600 chiếc khẩu trang. Hỏi cả hai lần công ty đã nhập về bao nhiêu chiếc khẩu trang.

Phương pháp

- Tìm số chiếc khẩu trang nhập về lần thứ hai = Số chiếc khẩu trang nhập lần thứ nhất – 8 200

- Tìm số chiếc khẩu trang nhập về cả 2 lần

Cách giải

Số chiếc khẩu trang nhập về lần thứ hai là

$$25\,300 - 8\,600 = 16\,700 \text{ (chiếc)}$$

Cả hai lần công ty đã nhập về số chiếc khẩu trang là

$$25\,300 + 16\,700 = 42\,000 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 42 000 chiếc khẩu trang

ĐỀ 2**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số có chữ số hàng nghìn là 6 là:

- A. 29 601 B. 56 380 C. 61 792 D. 33 861

Câu 2. Trong các số dưới đây, số bé nhất là:

- A. 85 723 B. 78 529 C. 72 587 D. 87 525

Câu 3. Một hình vuông có chu vi bằng 36 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

- A. 24 cm² B. 81 cm² C. 60 cm² D. 72 cm²

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: 1 kg 5 g = g

- A. 1050 B. 1005 C. 1500 D. 5010

Câu 5. Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Hỏi An sẽ tham dự trại hè vào ngày nào?

- A. Ngày 1 tháng 6 B. Ngày 2 tháng 6
C. Ngày 3 tháng 6 D. Ngày 4 tháng 6

Câu 6. Xưởng sản xuất của bác Nam cần lắp đặt 3 000 chiếc ghế. Mỗi chiếc ghế cần dùng 8 chiếc đinh vít nhưng xưởng của bác mới chỉ có 15 700 chiếc đinh vít. Vậy số đinh vít xưởng sản xuất của bác Nam còn thiếu là:

- A. 8 300 chiếc B. 2 400 chiếc
C. 7 500 chiếc D. 9 200 chiếc

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

a) $21\ 607 \times 4$

b) $40\ 096 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức

a) $81\ 025 - 12\ 071 \times 6$

b) $(4\ 320 - 2112) \times 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Hoa vào cửa hàng tiện lợi mua 1 gói bánh hết 29 000 đồng và 1 hộp sữa có dung tích 1 l giá 33 000 đồng. Hoa đưa cho cô bán hàng một số tiền và được trả lại 8 000 đồng. Hỏi Hoa đã đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 18 m, chiều dài hơn chiều rộng 5 m. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó.

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số có chữ số hàng nghìn là 6 là:

- A. 29 601 B. 56 380 C. 61 792 D. 33 861

Phương pháp

Xác định chữ số hàng nghìn của mỗi số rồi chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Số có chữ số hàng nghìn là 6 là 56 380.

Chọn B.

Câu 2. Trong các số dưới đây, số bé nhất là:

- A. 85 723 B. 78 529 C. 72 587 D. 87 525

Phương pháp

So sánh các số đã cho để xác định số bé nhất.

Cách giải

Ta có $72\ 587 < 78\ 529 < 85\ 723 < 87\ 525$

Chọn C.

Câu 3. Một hình vuông có chu vi bằng 36 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

- A. 24 cm^2 B. 81 cm^2 C. 60 cm^2 D. 72 cm^2

Phương pháp

- Tìm độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4
- Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh

Cách giải

Độ dài cạnh hình vuông là

$$36 : 4 = 9 \text{ (cm)}$$

Diện tích của hình vuông đó là

$$9 \times 9 = 81 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 81 cm²

Chọn **B**.

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: 1 kg 5 g = g

- A. 1050 B. 1005 C. 1500 D. 5010

Phương pháp

Áp dụng cách đổi 1 kg = 1000g

Cách giải

$$1 \text{ kg } 5 \text{ g} = 1005 \text{ g}$$

Chọn **B**

Câu 5. Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Hỏi An sẽ tham dự trại hè vào ngày nào?

- A. Ngày 1 tháng 6 B. Ngày 2 tháng 6
C. Ngày 3 tháng 6 D. Ngày 4 tháng 6

Phương pháp

Tháng 5 có 31 ngày.

Dựa vào đó em xác định ngày An bắt đầu tham dự trại hè.

Cách giải

Tháng 5 có 31 ngày.

Hôm nay là ngày 28 tháng 5. Còn 5 ngày nữa An sẽ tham dự trại hè do thành phố tổ chức. Vậy An sẽ tham dự trại hè vào ngày 2 tháng 6.

Chọn **B**.

Câu 6. Xưởng sản xuất của bác Nam cần lắp đặt 3 000 chiếc ghế. Mỗi chiếc ghế cần dùng 8 chiếc đinh vít nhưng xưởng của bác mới chỉ có 15 700 chiếc đinh vít. Vậy số đinh vít xưởng sản xuất của bác Nam còn thiếu là:

- A. 8 300 chiếc B. 2 400 chiếc

C. 7 500 chiếc

D. 9 200 chiếc

Phương pháp

- Tìm số chiếc đinh vít cần dùng = Số chiếc đinh vít cần cho mỗi chiếc ghế x số chiếc ghế
- Tìm số chiếc đinh vít còn thiếu = Số chiếc đinh vít cần dùng – số chiếc đinh vít đã có

Cách giải

Số chiếc đinh vít cần dùng để lắp đặt 3000 cái ghế là

$$3000 \times 8 = 24\,000 \text{ (chiếc)}$$

Số đinh vít xưởng sản xuất của bác Nam còn thiếu là

$$24\,000 - 15\,700 = 8\,300 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 8 300 chiếc

Chọn A.

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

a) $21\,607 \times 4$

b) $40\,096 : 7$

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân lần lượt thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất, lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 21607 \\ \times \quad 4 \\ \hline 86428 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40096 \overline{) 7} \\ \underline{50} \\ 19 \\ \underline{56} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức

a) $81\,025 - 12\,071 \times 6$

b) $(4\,320 - 2112) \times 7$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.
- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 81\,025 - 12\,071 \times 6 &= 81\,025 - 72\,426 \\ &= 8\,599 \end{aligned}$$

$$\text{b) } (4\,320 - 2112) \times 7 = 2\,208 \times 7$$

$$= 15\ 456$$

Câu 3. Hoa vào cửa hàng tiện lợi mua 1 gói bánh hết 29 000 đồng và 1 hộp sữa có dung tích 1 l giá 33 000 đồng. Hoa đưa cho cô bán hàng một số tiền và được trả lại 8 000 đồng. Hỏi Hoa đã đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm tổng số tiền Hoa đã mua = Số tiền 1 gói bánh + Số tiền 1 hộp sữa
- Tìm số tiền Hoa đưa cho cô bán hàng = Tổng số tiền Hoa đã mua + Số tiền được trả lại

Cách giải

Số tiền Hoa mua 1 gói bánh và 1 hộp sữa là

$$29\ 000 + 33\ 000 = 62\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền Hoa đưa cho cô bán hàng là

$$62\ 000 + 8\ 000 = 70\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 70 000 đồng

Câu 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 18 m, chiều dài hơn chiều rộng 5 m. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó.

Phương pháp

- Tìm chiều rộng của mảnh vườn = Chiều dài – 5 m
- Chu vi của mảnh vườn = (chiều dài + chiều rộng) x 2
- Diện tích mảnh vườn = Chiều dài x chiều rộng

Cách giải

a) Chiều rộng của mảnh vườn là

$$18 - 5 = 13 \text{ (m)}$$

Chu vi của mảnh vườn là

$$(18 + 13) \times 2 = 62 \text{ (m)}$$

b) Diện tích của mảnh vườn là

$$18 \times 13 = 234 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 62m

b) 234 m²

ĐỀ 3**I. TRẮC NGHIỆM** (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số liền sau của số 72199 là:

- A. 72 200 B. 72 198 C. 73 199 D. 73 200

Câu 2. Số?

$81\ 596 > 8\text{.....} 927$

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 0

Câu 3. Phép chia $74\ 516 : 6$ có số dư là:

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 4. Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là:

- A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

Câu 5. Vựa trái cây của bác Tư nhập về 4 xe trái cây gồm 3 xe to và 1 xe nhỏ. Mỗi xe to chở 4 300 kg sầu riêng và xe nhỏ chở 2 750 kg măng cụt. Khối lượng sầu riêng và măng cụt của bác Tư nhập về là:

- A. 17 200 kg B. 15 900 kg C. 14 100 kg D. 15 650 kg

Câu 6. Gần nhà Nam có một cái hồ nước hình chữ nhật dài 156 m và rộng 94 m. Mỗi ngày, Nam chạy 4 vòng quanh cái hồ đó. Vậy mỗi ngày Nam đã chạy số ki-lô-mét là:

- A. 1 km B. 2 km C. 3 km D. 4 km

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

$31\ 728 + 15\ 643$

$42\ 907 - 29\ 086$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$10\ 719 \times 4$

$69\ 584 : 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Số?

$\square \times 7 = 2\ 863$

$\square : 5 = 1\ 247$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $12\ 523 + 20\ 492 : 4$

b) $(15\ 320 - 3\ 105) \times 8$

Câu 4. Mẹ đưa cho Minh 4 tờ tiền 20 000 đồng và nhờ Minh ra cửa hàng tiện lợi mua giúp mẹ một gói hạt nêm loại 1 kg. Gói hạt nêm có giá 68 000 đồng. Hỏi khi về Minh cần đưa lại cho mẹ bao nhiêu nghìn đồng tiền thừa?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số liền sau của số 72199 là:

- A. 72 200 B. 72 198 C. 73 199 D. 73 200

Phương pháp

Số liền sau của số đã cho thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số liền sau của số 72199 là 72 200.

Chọn A.

Câu 2. Số?

$$81\ 596 > 8\text{.....} 927$$

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 0

Phương pháp

Muốn so sánh hai số có 5 chữ số ta so sánh từng cặp chữ số kể từ trái sang phải.

Cách giải

Ta có $81\ 596 > 80\ 927$. Vậy số cần điền vào chỗ chấm là 0.

Chọn D.

Câu 3. Phép chia $74\ 516 : 6$ có số dư là:

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Phương pháp

Đặt tính rồi tính phép chia $74\ 516 : 6$.

Cách giải

$$\begin{array}{r|l} 74516 & 6 \\ \hline 14 & 12419 \\ 25 & \\ 11 & \\ 56 & \\ 2 & \end{array}$$

$$74\ 516 : 6 = 12\ 419 \text{ (dư } 2)$$

Chọn C.

Câu 4. Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là:

- A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

Phương pháp

Tháng 8 có 31 ngày.

Tính nhằm từ 30 tháng 8 đến ngày 2 tháng 9.

Cách giải

Ta có: Tháng 8 có 31 ngày.

Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là thứ tư.

Chọn B.

Câu 5. Vựa trái cây của bác Tư nhập về 4 xe trái cây gồm 3 xe to và 1 xe nhỏ. Mỗi xe to chở 4 300 kg sầu riêng và xe nhỏ chở 2 750 kg măng cụt. Khối lượng sầu riêng và măng cụt của bác Tư nhập về là:

- A. 17 200 kg B. 15 900 kg C. 14 100 kg D. 15 650 kg

Phương pháp

- Tìm khối lượng sầu riêng xe to chở = Khối lượng sầu riêng xe 1 to chở được x số xe to

- Tìm tổng khối lượng trái cây = Khối lượng sầu riêng + Khối lượng măng cụt

Cách giải

Khối lượng sầu riêng 3 xe to chở được là

$$4\ 300 \times 3 = 12\ 900 \text{ (kg)}$$

Khối lượng sầu riêng và măng cụt của bác Tư nhập về là

$$12\ 900 + 2\ 750 = 15\ 650 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 15 650 kg

Chọn D.

Câu 6. Gần nhà Nam có một cái hồ nước hình chữ nhật dài 156 m và rộng 94 m. Mỗi ngày, Nam chạy 4 vòng quanh cái hồ đó. Vậy mỗi ngày Nam đã chạy số ki-lô-mét là:

- A. 1 km B. 2 km C. 3 km D. 4 km

Phương pháp

- Tìm chu vi cái hồ hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2
- Tìm quãng đường Nam chạy = Chu vi cái hồ x số vòng chạy được

Cách giải

Chu vi cái hồ hình chữ nhật là

$$(156 + 94) \times 2 = 500 \text{ (m)}$$

Mỗi ngày Nam đã chạy số ki-lô-mét là

$$500 \times 4 = 2\,000 \text{ (m)} = 2 \text{ km}$$

Đáp số: 2km

Chọn B.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$31\,728 + 15\,643$$

$$42\,907 - 29\,086$$

$$10\,719 \times 4$$

$$69\,584 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính
- Phép cộng, phép trừ: Cộng hoặc trừ các chữ số cùng hàng thẳng cột từ phải sang trái
- Phép nhân: Thực hiện nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất từ phải sang trái
- Phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 31728 \\ + 15643 \\ \hline 47371 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42907 \\ - 29086 \\ \hline 13821 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10719 \\ \times \quad 4 \\ \hline 42876 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69584 \quad | \quad 3 \\ 09 \quad | \quad 23194 \\ 05 \\ 28 \\ 14 \\ 2 \end{array}$$

Câu 2. Số?

$$\square \times 7 = 2\,863$$

$$\square : 5 = 1\,247$$

Phương pháp giải

- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số kia.
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

Lời giải chi tiết

$$\dots\dots\dots \times 7 = 2\ 863$$

$$2\ 863 : 7 = 409$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 409.

$$\dots\dots\dots : 5 = 1\ 247$$

$$1\ 247 \times 5 = 6\ 235$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 6 235

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $12\ 523 + 20\ 492 : 4$

b) $(15\ 320 - 3\ 105) \times 8$

Phương pháp

a) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện tính trong ngoặc trước.

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 12\ 523 + 20\ 492 : 4 &= 12\ 523 + 5\ 123 \\ &= 17\ 646 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (15\ 320 - 3\ 105) \times 8 &= 12\ 215 \times 8 \\ &= 97\ 720 \end{aligned}$$

Câu 4. Mẹ đưa cho Minh 4 tờ tiền 20 000 đồng và nhờ Minh ra cửa hàng tiện lợi mua giúp mẹ một gói hạt nêm loại 1 kg. Gói hạt nêm có giá 68 000 đồng. Hỏi khi về Minh cần đưa lại cho mẹ bao nhiêu nghìn đồng tiền thừa?

Phương pháp

- Tìm số tiền mẹ đưa cho Minh

- Tìm số tiền Minh cần đưa lại mẹ = số tiền mẹ đưa cho Minh – giá tiền 1 gói hạt nêm

Cách giải

Số tiền mẹ đưa cho Minh là

$$20\ 000 \times 4 = 80\ 000 \text{ (đồng)}$$

Minh cần đưa lại cho mẹ số tiền thừa là

$$80\ 000 - 68\ 000 = 12\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 12 000 đồng

ĐỀ 4**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

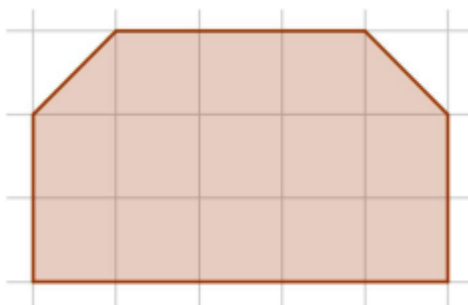
Câu 1. Số gồm 9 chục nghìn, 6 trăm, 7 đơn vị viết là:

- A. 96 070 B. 96 700 C. 90 607 D. 90 706

Câu 2. Số liền trước số lớn nhất có năm chữ số là:

- A. 100 000 B. 99 999 C. 10 000 D. 99 998

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Diện tích hình trên là ô vuông.

- A. 13 B. 14 C. 15 D. 16

Câu 4.



Mai giúp mẹ hái rau trong vườn. Mai bắt đầu hái rau lúc 10 giờ 25 phút. Khi Mai hái xong, đồng hồ chỉ như hình bên. Thời gian Mai hái rau là:

- A. 10 phút B. 12 phút C. 15 phút D. 17 phút

Câu 5. Một nông trại ngày thứ nhất thu hoạch được 6 250 kg rau quả. Ngày thứ hai thu hoạch được số ki-lô-gam rau quả gấp đôi ngày thứ nhất. Vậy cả hai ngày nông trại đó thu hoạch được là:

- A. 12 500 kg B. 25 000 kg C. 18 750 kg D. 16 800 kg

Câu 6. Một sân vận động hình chữ nhật có chiều rộng 95 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chu vi sân vận động đó là:

- A. 380 m B. 285 m C. 670 m D. 760 m

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$25\ 864 + 23\ 768$$

$$82780 - 46\ 815$$

$$21\ 408 \times 3$$

$$67\ 280 : 7$$

.....
.....
.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $(5\ 394 + 34\ 672) : 2$

b) $100\ 000 - 15\ 400 \times 3$

.....
.....
.....

Câu 3. Có 3 ô tô, mỗi ô tô chở 2 205 kg rau. Người ta chuyển xuống được 4 000 kg rau từ các ô tô đó. Hỏi còn bao nhiêu ki-lô-gam rau chưa chuyển xuống?

.....
.....
.....
.....

Câu 4. Tìm một số biết rằng số đó nhân với 5 thì bằng 235 cộng với 700.

.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 9 chục nghìn, 6 trăm, 7 đơn vị viết là:

- A. 96 070 B. 96 700 C. 90 607 D. 90 706

Phương pháp

Viết số lần lượt từ hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

Cách giải

Số gồm 9 chục nghìn, 6 trăm, 7 đơn vị viết là **90 607**.

Chọn C.

Câu 2. Số liền trước số lớn nhất có năm chữ số là:

- A. 100 000 B. 99 999 C. 10 000 D. 99 998

Phương pháp

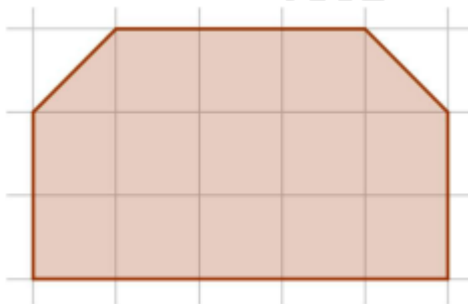
Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số liền trước số lớn nhất có năm chữ số là 99 998.

Chọn D

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Diện tích hình trên là ô vuông.

- A. 13 B. 14 C. 15 D. 16

Phương pháp

Đếm số ô vuông được tô màu rồi chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Diện tích hình trên là **14** ô vuông.

Chọn B

Câu 4.



Mai giúp mẹ hái rau trong vườn. Mai bắt đầu hái rau lúc 10 giờ 25 phút. Khi Mai hái xong, đồng hồ chỉ như hình bên. Thời gian Mai hái rau là:

- A. 10 phút B. 12 phút C. 15 phút D. 17 phút

Phương pháp

- Quan sát đồng hồ, đọc thời gian Mai hái rau xong
- Thời gian hái rau = Thời gian trên đồng hồ - 10 giờ 25 phút

Cách giải

Đồng hồ chỉ 10 giờ 37 phút.

Mai bắt đầu hái rau lúc 10 giờ 25 phút và Mai hái rau xong lúc 10 giờ 37 phút.

Vậy Mai hái rau trong 12 phút.

Chọn B.

Câu 5. Một nông trại ngày thứ nhất thu hoạch được 6 250 kg rau quả. Ngày thứ hai thu hoạch được số ki-lô-gam rau quả gấp đôi ngày thứ nhất. Vậy cả hai ngày nông trại đó thu hoạch được là:

- A. 12 500 kg B. 25 000 kg C. 18 750 kg D. 16 800 kg

Phương pháp

- Tìm số ki-lô-gam thu hoạch trong ngày thứ hai
- Tìm số ki-lô-gam thu hoạch trong cả 2 ngày

Cách giải

Số ki-lô-gam rau quả thu hoạch trong ngày thứ hai là

$$6\ 250 \times 2 = 12\ 500 \text{ (kg)}$$

Cả hai ngày nông trại đó thu hoạch được:

$$12\ 500 + 6\ 250 = 18\ 750 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 18 750 kg

Chọn C.

Câu 6. Một sân vận động hình chữ nhật có chiều rộng 95 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chu vi sân vận động đó là:

- A. 380 m B. 285 m C. 670 m D. 760 m

Phương pháp

- Tìm chiều dài = Chiều rộng x 3

- Tìm chu vi sân vận động = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Cách giải

Chiều dài sân vận động là

$$95 \times 3 = 285 \text{ (m)}$$

Chu vi sân vận động hình chữ nhật là

$$(285 + 95) \times 2 = 760 \text{ (m)}$$

Đáp số: 760 m

Chọn D.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$25\ 864 + 23\ 768$$

$$82\ 780 - 46\ 815$$

$$21\ 408 \times 3$$

$$67\ 280 : 7$$

Phương pháp

- Đặt tính theo các quy tắc đã học
- Cộng hoặc trừ thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện chia theo thứ tự từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 25\ 864 \\ + 23\ 768 \\ \hline 49\ 632 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82\ 780 \\ - 46\ 815 \\ \hline 35\ 965 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21\ 408 \\ \times \quad 3 \\ \hline 64\ 224 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67\ 280 \mid 7 \\ 42 \mid 9\ 611 \\ \hline 08 \\ 10 \\ 3 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $(5\ 394 + 34\ 672) : 2$

b) $100\ 000 - 15\ 400 \times 3$

Phương pháp

- a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính ở trong ngoặc trước
- b) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } (5\ 394 + 34\ 672) : 2 &= 40\ 066 : 2 \\ &= 20\ 033 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 100\ 000 - 15\ 400 \times 3 &= 100\ 000 - 46\ 200 \\ &= 53\ 800 \end{aligned}$$

Câu 3. Có 3 ô tô, mỗi ô tô chở 2 205 kg rau. Người ta chuyển xuống được 4 000 kg rau từ các ô tô đó. Hỏi còn bao nhiêu ki-lô-gam rau chưa chuyển xuống?

Phương pháp

- Tìm số ki-lô-gam rau 3 ô tô chở được = Số ki-lô-gam rau 1 ô tô chở được x 3
- Tìm số kg rau chưa chuyển xuống = số kg rau 3 ô tô chở được – số kg đã chuyển xuống

Cách giải

Số ki-lô-gam rau 3 ô tô chở được là

$$2\ 205 \times 3 = 6\ 615 \text{ (kg)}$$

Số ki-lô-gam rau chưa chuyển xuống là

$$6\ 615 - 4\ 000 = 2\ 615 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 2 615 kg rau

Câu 4. Tìm một số biết rằng số đó nhân với 5 thì bằng 235 cộng với 700.

Gọi số cần tìm là x

Ta có $x \times 5 = 235 + 700$

$$x \times 5 = 935$$

$$x = 935 : 5$$

$$x = 187$$

Vậy số cần tìm là 187.

ĐỀ 5**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số nào dưới đây có chữ số hàng nghìn là 5?

- A. 51 490 B. 25 823 C. 62 059 D. 71 543

Câu 2. Số liền trước của số 54 829 là:

- A. 54 828 B. 54 830 C. 54 839 D. 54 819

Câu 3. Tú về quê thăm ông bà từ ngày 26 tháng 5 đến ngày 2 tháng 6. Thời gian Tú về quê với ông bà là:

- A. 5 ngày B. 6 ngày C. 7 ngày D. 8 ngày

Câu 4. Chị Lan mua 3 kg xoài và đưa cô bán hàng 100 000 đồng. Mỗi ki-lô-gam xoài có giá 31 800 đồng. Cô bán hàng làm tròn đến hàng nghìn số tiền chị Lan cần trả. Vậy cô bán hàng cần trả lại chị Lan số tiền là:

- A. 4 000 đồng B. 12 000 đồng
C. 6 000 đồng D. 5 000 đồng

Câu 5. Một đoàn tàu chở hàng gồm 9 toa, mỗi toa tàu chở 10 720 kg hàng hóa. Vậy khối lượng hàng hóa đoàn tàu đó chở là:

- A. 96 380 kg B. 96 480 kg C. 90 820 kg D. 19 720 kg

Câu 6. Bố Minh có một ao cá dạng hình vuông có cạnh dài 65 m. Bố dự định trồng một số cây vải xung quanh ao, các cây sẽ cách đều 5m. Vậy số cây bưởi bố Minh có thể trồng nhiều nhất là:

- A. 13 cây B. 26 cây C. 52 cây D. 65 cây

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$79\ 108 + 4\ 856 \qquad 32\ 607 - 15\ 245$$

.....

.....

.....

.....

$$36\ 318 \times 2$$

$$67\ 290 : 4$$

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Số?

$$7\ m = \dots\dots\dots\ mm$$

$$14\ 000\ ml = \dots\dots\dots\ l$$

$8\text{kg } 45\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$

$3\ 000\ \text{cm} = \dots\dots\dots\ \text{m}$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $81\ 025 - 12\ 071 \times 6$

b) $29\ 520 : 5 : 4$

.....
.....
.....

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng 9 cm. Chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

.....
.....
.....
.....

Câu 5. Bạn Mai mua 3 chiếc bút chì hết 25 500 đồng. Hỏi bạn Mai mua 5 chiếc bút chì như thế thì Mai phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số nào dưới đây có chữ số hàng nghìn là 5?

- A. 51 490 B. 25 823 C. 62 059 D. 71 543

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 5 trong mỗi số rồi chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Số có chữ số hàng nghìn là 5 là số 25 823.

Chọn B.

Câu 2. Số liền trước của số 54 829 là:

- A. 54 828 B. 54 830 C. 54 839 D. 54 819

Phương pháp

Số liền trước của một số thì kém số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số liền trước của số 54 829 là 54 828.

Chọn A.

Câu 3. Tú về quê thăm ông bà từ ngày 26 tháng 5 đến ngày 2 tháng 6. Thời gian Tú về quê với ông bà là:

- A. 5 ngày B. 6 ngày C. 7 ngày D. 8 ngày

Phương pháp

- Tháng 5 có 31 ngày.

- Tính nhằm số ngày từ 26 tháng 5 đến ngày 2 tháng 6

Cách giải

Tháng 5 có 31 ngày.

Thời gian từ 26 tháng 5 đến ngày 2 tháng 6 là 8 ngày.

Chọn D.

Câu 4. Chị Lan mua 3 kg xoài và đưa cô bán hàng 100 000 đồng. Mỗi ki-lô-gam xoài có giá 31 800 đồng. Cô bán hàng làm tròn đến hàng nghìn số tiền chị Lan cần trả. Vậy cô bán hàng cần trả lại chị Lan số tiền là:

- A. 4 000 đồng B. 12 000 đồng
C. 6 000 đồng D. 5 000 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền mua xoài = Số tiền 1 kg xoài x số ki-lô-gam chị Lan mua

- Muốn làm tròn số đến hàng nghìn ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

- Tìm số tiền cần trả lại

Cách giải

Chị Lan mua 3 kg xoài hết số tiền là

$$31\ 800 \times 3 = 95\ 400 \text{ (đồng)}$$

Làm tròn số 95 400 đến hàng nghìn được số 95 000.

Cô bán hàng cần trả lại chị Lan số tiền là

$$100\ 000 - 95\ 000 = 5\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 5 000 đồng

Chọn D.

Câu 5. Một đoàn tàu chở hàng gồm 9 toa, mỗi toa tàu chở 10 720 kg hàng hóa. Vậy khối lượng hàng hóa đoàn tàu đó chở là:

A. 96 380 kg

B. 96 480 kg

C. 90 820 kg

D. 19 720 kg

Phương pháp

Khối lượng hàng hóa đoàn tàu đó chở = Khối lượng hàng mỗi toa chở được x số toa

Cách giải

Khối lượng hàng hóa đoàn tàu đó chở là

$$10\ 720 \times 9 = 96\ 480 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 96 480 kg

Chọn B.

Câu 6. Bố Minh có một ao cá dạng hình vuông có cạnh dài 65 m. Bố dự định trồng một số cây vải xung quanh ao, các cây sẽ cách đều 5m. Vậy số cây bưởi bố Minh có thể trồng nhiều nhất là:

A. 13 cây

B. 26 cây

C. 52 cây

D. 65 cây

Phương pháp

- Tìm chu vi cái ao hình vuông = Độ dài cạnh x 4

- Tìm số cây có thể trồng nhiều nhất = Chu vi hình vuông : khoảng cách giữa hai cây

Cách giải

Chu vi cái ao hình vuông là

$$65 \times 4 = 260 \text{ (m)}$$

Số cây bưởi bố Minh có thể trồng nhiều nhất là

$$260 : 5 = 52 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 52 cây

Chọn C.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$79\ 108 + 4\ 856$$

$$32\ 607 - 15\ 245$$

$$36\ 318 \times 2$$

$$67\ 290 : 4$$

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ: Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Với phép nhân: Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất kể từ phải sang trái.
- Với phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải.

Cách giải

$$\begin{array}{r} 79108 \\ + 4856 \\ \hline 83964 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 32607 \\ - 15245 \\ \hline 17362 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36318 \\ \times 2 \\ \hline 72636 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67290 \overline{) 4} \\ \underline{27} \\ 32 \\ \underline{09} \\ 10 \\ \underline{2} \end{array}$$

Câu 2. Số?

$$7\text{ m} = \dots\dots\dots \text{ mm}$$

$$14\ 000\ \text{ml} = \dots\dots\dots \ell$$

$$8\text{ kg } 45\text{ g} = \dots\dots\dots \text{ g}$$

$$3\ 000\ \text{cm} = \dots\dots\dots \text{ m}$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\ \text{m} = 1\ 000\ \text{mm} = 100\ \text{cm}$

$1\ \text{kg} = 1\ 000\text{ g}$; $1\ \ell = 1\ 000\ \text{ml}$

Cách giải

$$7\ \text{m} = \mathbf{7\ 000\ \text{mm}}$$

$$14\ 000\ \text{ml} = \mathbf{14\ \ell}$$

$$8\text{ kg } 45\text{ g} = \mathbf{8\ 045\ \text{g}}$$

$$3\ 000\ \text{cm} = \mathbf{30\ \text{m}}$$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $81\ 025 - 12\ 071 \times 6$

b) $29\ 520 : 5 : 4$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Với biểu thức chỉ chứa phép chia

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 81\,025 - 12\,071 \times 6 &= 81\,025 - 72\,426 \\ &= 8\,599 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 29\,520 : 5 : 4 &= 5\,904 : 4 \\ &= 1\,476 \end{aligned}$$

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng 9 cm. Chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Phương pháp

- Tìm chiều dài của hình chữ nhật = Chiều rộng x 4
- Tìm diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

Cách giải

Chiều dài hình chữ nhật đó là

$$9 \times 4 = 36 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật đó

$$36 \times 9 = 324 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 324 cm²

Câu 5. Bạn Mai mua 3 chiếc bút chì hết 25 500 đồng. Hỏi bạn Mai mua 5 chiếc bút chì như thế thì Mai phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm giá tiền của 1 chiếc bút chì = Giá tiền của 3 chiếc bút chì : 3
- Tìm giá tiền của 5 chiếc bút chì = Giá tiền của 1 chiếc bút chì x 5

Cách giải

Giá tiền của 1 chiếc bút chì là

$$25\,500 : 3 = 8\,500 \text{ (đồng)}$$

Bạn Mai mua 5 chiếc bút chì như thế thì phải trả số tiền là

$$8\,500 \times 5 = 42\,500 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 42 500 đồng

ĐỀ 6**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Số gồm 3 chục nghìn, 8 chục, 7 đơn vị viết là:

- A. 3087 B. 30 870 C. 30 087 D. 300 087

Câu 2. Số liền trước của số 45 000 là:

- A. 44 999 B. 45 001 C. 44 099 D. 44 009

Câu 3. Tháng nào dưới đây có 30 ngày?

- A. Tháng 2 B. Tháng 6 C. Tháng 7 D. Tháng 12

Câu 4. $x : 8 = 1\ 096$ (dư 7). Giá trị của x là:

- A. 8 768 B. 137 C. 144 D. 8 775

Câu 5. Tính cạnh hình vuông biết chu vi là 8 024 m.

- A. 32 096 m B. 2006 m C. 1 003 m D. 4 012 m

Câu 6. Một cửa hàng gạo có 6 000 kg gạo. Sau khi nhập thêm thì số gạo trong cửa hàng gấp lên 4 lần. Vậy số gạo cửa hàng đó đã nhập về là:

- A. 24 000 kg B. 30 000 kg C. 18 000 kg D. 25 000 kg

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$$4\ 722 + 5\ 369$$

.....

.....

.....

$$27\ 108 \times 8$$

.....

.....

.....

$$14\ 751 - 10\ 162$$

.....

.....

.....

$$57\ 708 : 3$$

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $38\ 040 : 5 : 2$

.....

.....

.....

.....

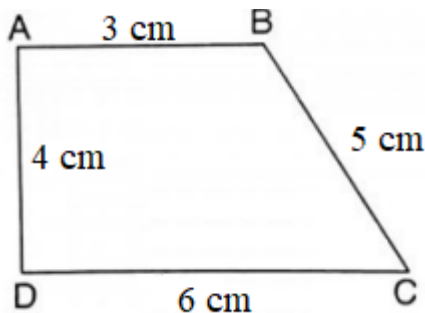
b) $56\ 058 - 46\ 902 : 6$

Câu 3. >, <, =

a) 4kg 300g 4030 g

b) 1 200 ml x 6 8 l

Câu 4. Tính chu vi hình tứ giác ABCD trong hình vẽ bên:



.....

Câu 5. Hôm qua, một lít xăng có giá 28 724 đồng. Hôm nay, giá của mỗi lít xăng giảm 1 500 đồng so với hôm qua. Mẹ đổ 3 lít xăng và trả người bán hàng số tiền đã làm tròn đến hàng nghìn. Hỏi mẹ đã trả bao nhiêu tiền?

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 3 chục nghìn, 8 chục, 7 đơn vị viết là:

- A. 3087 B. 30 870 C. 30 087 D. 300 087

Phương pháp

Viết số lần lượt từ hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị

Cách giải

Số gồm 3 chục nghìn, 8 chục, 7 đơn vị viết là 30 087.

Chọn C.

Câu 2. Số liền trước của số 45 000 là:

- A. 44 999 B. 45 001 C. 44 099 D. 44 009

Phương pháp

Để tìm số liền trước của một số ta lấy số đó trừ đi 1.

Cách giải

Số liền trước của số 45 000 là 44 999.

Chọn A

Câu 3. Tháng nào dưới đây có 30 ngày?

- A. Tháng 2 B. Tháng 6 C. Tháng 7 D. Tháng 12

Phương pháp

Dựa vào kiến thức:

Các tháng có 30 ngày là 4, 6, 9, 11

Cách giải

Tháng có 30 ngày trong các tháng trên là tháng 6.

Chọn B.

Câu 4. $x : 8 = 1\ 096$ (dư 7). Giá trị của x là:

- A. 8 768 B. 137 C. 144 D. 8 775

Phương pháp

Số bị chia = thương x số chia + số dư

Cách giải

$$x : 8 = 1\ 096 \text{ (dư 7)}$$

$$x = 1\ 096 \times 8 + 7$$

$$x = 8\ 775$$

Chọn D

Câu 5. Tính cạnh hình vuông biết chu vi là 8 024 m.

A. 32 096 m

B. 2006 m

C. 1 003 m

D. 4 012 m

Phương pháp

Độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4

Cách giải

Độ dài cạnh hình vuông là

$$8\ 024 : 4 = 2\ 006 \text{ (m)}$$

Đáp số: 2 006 m

Chọn B.

Câu 6. Một cửa hàng gạo có 6 000 kg gạo. Sau khi nhập thêm thì số gạo trong cửa hàng gấp lên 4 lần. Vậy số gạo cửa hàng đó đã nhập về là:

A. 24 000 kg

B. 30 000 kg

C. 18 000 kg

D. 25 000 kg

Phương pháp

- Tìm số kg gạo cửa hàng có sau khi nhập thêm = Số kg gạo ban đầu x 4

- Tìm số kg gạo cửa hàng đã nhập về = số kg gạo cửa hàng có sau khi nhập thêm – Số kg gạo ban đầu

Cách giải

Sau khi nhập thêm cửa hàng có số ki-lô-gam gạo là

$$6\ 000 \times 4 = 24\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số kg gạo cửa hàng nhập về thêm là

$$24\ 000 - 6\ 000 = 18\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 18 000 đồng

Chọn C.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$$4\ 722 + 5\ 369$$

$$14\ 751 - 10\ 162$$

$$27\ 108 \times 8$$

$$57\ 708 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính

- Với phép cộng, phép trừ: Cộng hoặc trừ các chữ số lần lượt từ phải sang trái.

- Với phép nhân: Thực hiện nhân lần lượt thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.

- Với phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 4722 \\ + 5369 \\ \hline 10091 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14751 \\ - 10162 \\ \hline 4589 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27108 \\ \times 8 \\ \hline 216864 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57708 \overline{) 3} \\ 27 \overline{) 19236} \\ 07 \\ 10 \\ 18 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $38\ 040 : 5 : 2$

b) $56\ 058 - 46\ 902 : 6$

Phương pháp

- Với biểu thức chỉ chứa phép nhân, phép chia ta thực hiện từ trái sang phải.

- Với biểu thức chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Cách giải

a) $38\ 040 : 5 : 2 = 7\ 608 : 2$
 $= 3\ 804$

b) $56\ 058 - 46\ 902 : 6 = 56\ 058 - 7\ 817$
 $= 48\ 241$

Câu 3. >, <, =

a) $4\text{kg } 300\text{g} \dots\dots\dots 4030\text{ g}$

b) $1\ 200\text{ ml} \times 6 \dots\dots\dots 8\ \ell$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$1\text{ kg} = 1\ 000\text{g}$

$1\ \ell = 1\ 000\text{ ml}$

Cách giải

a) $4\text{kg } 300\text{g} \dots\dots\dots 4030\text{ g}$

Ta có $4\text{kg } 300\text{g} = 4\ 300\text{ g}$

Vậy $4\text{ kg } 300\text{ g} > 4\ 030\text{ g}$

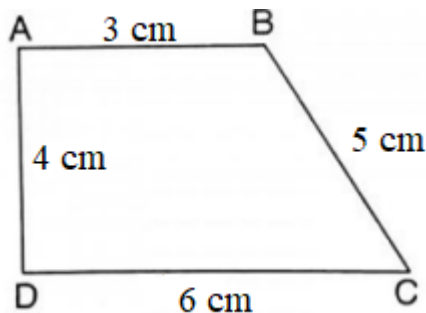
b) $1\ 200\text{ ml} \times 6 \dots\dots\dots 8\ \ell$

Ta có $1\ 200\text{ ml} \times 6 = 7\ 200\text{ ml}$; $8\ \ell = 8\ 000\text{ ml}$

Mà $7\ 200\text{ ml} < 8\ 000\text{ ml}$

Vậy $1\ 200\text{ ml} \times 6 < 8\ \ell$

Câu 4. Tính chu vi hình tứ giác ABCD trong hình vẽ bên:



Phương pháp

Chu vi hình tứ giác ABCD bằng tổng độ dài các cạnh AB, BC, CD, DA

Cách giải

Chu vi hình tứ giác ABCD là

$$3 + 5 + 6 + 4 = 18 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 18 cm

Câu 5. Hôm qua, một lít xăng có giá 28 724 đồng. Hôm nay, giá của mỗi lít xăng giảm 1 500 đồng so với hôm qua. Mẹ đổ 3 lít xăng và trả người bán hàng số tiền đã làm tròn đến hàng nghìn. Hỏi mẹ đã trả bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm giá tiền của mỗi lít xăng ngày hôm nay = Giá tiền của mỗi lít xăng ngày hôm qua – 1 500 đồng
- Tìm số tiền mẹ đổ 3 lít xăng ngày hôm nay = giá tiền của mỗi lít xăng ngày hôm nay x 3
- Để làm tròn số đến hàng nghìn ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Cách giải

Giá tiền của mỗi lít xăng ngày hôm nay là

$$28\ 724 - 1\ 500 = 27\ 224 \text{ (đồng)}$$

Mẹ đổ 3 lít xăng ngày hôm nay hết số tiền là

$$27\ 224 \times 3 = 81\ 672 \text{ (đồng)}$$

Làm tròn số 81 672 đến hàng nghìn ta được số 82 000.

Vậy mẹ đã trả người bán hàng 82 000 đồng.

Đáp số: 82 000 đồng

ĐỀ 7**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Trong số 84 591, chữ số 8 có giá trị là:

- A. 80 000 B. 8 000 C. 800 D. 80

Câu 2. Số liền sau của số 72 389 là:

- A. 72 388 B. 72 400 C. 72 390 D. 72 391

Câu 3. Hình sau có số góc vuông là:



- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4. Một cửa hàng có 85 000 kg gạo, lần đầu bán được 23 000 kg gạo, lần sau bán được 29 000 kg gạo. Hỏi cửa hàng còn bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 26 000 kg B. 33 000 kg C. 31 000 kg D. 52 000 kg

Câu 5. Số?

$$\square : 7 = 11\,305 \text{ (dư } 2)$$

- A. 79 135 B. 79 133 C. 79 105 D. 79 137

Câu 6. Một hình vuông có độ dài cạnh bằng 7 895 mm thì chu vi của hình vuông đó bằng:

- A. 31 580 mm B. 31 940 mm C. 31 490 mm D. 31 850 mm

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a) $36\,943 + 8\,767$

.....

.....

.....

c) $12\,604 \times 4$

.....

.....

.....

b) $34\,611 - 25\,490$

.....

.....

.....

d) $84\,776 : 4$

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $93\ 645 : 9 \times 5$

b) $12\ 740 + 5\ 037 \times 4$

Câu 3. $>$, $<$, $=$

a) $16\ \ell \dots\dots\dots 2\ 600\ \text{ml} \times 6$

b) $9\ 155\ \text{g} + 1\ 040\ \text{g} \dots\dots\dots 10\ \text{kg}$

Câu 4. Tính chu vi của khung cửa sổ hình chữ nhật có chiều dài 125 cm và chiều rộng 108 cm.**Câu 5.** Trời nắng nóng, Nam đi mua 4 cốc nước mía và 1 quả dứa về cho cả nhà giải khát. Mỗi cốc nước mía có giá 8 000 đồng và mỗi quả dứa có giá 15 000 đồng. Hỏi Nam cần trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong số 84 591, chữ số 8 có giá trị là:

- A. 80 000 B. 8 000 C. 800 D. 80

Phương pháp giải

Xác định hàng của chữ số 8 trong số 84 591 để xác định giá trị của chữ số đó.

Cách giải

Trong số 84 591, chữ số 8 thuộc hàng chục nghìn và có giá trị là 80 000.

Chọn A.

Câu 2. Số liền sau của số 72 389 là:

- A. 72 388 B. 72 400 C. 72 390 D. 72 391

Phương pháp

Để tìm số liền sau của một số ta lấy số đó cộng thêm 1 đơn vị.

Cách giải

Số liền sau của số 72 389 là 72 390.

Chọn C.

Câu 3. Hình sau có số góc vuông là:



- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Phương pháp

Sử dụng ê ke để kiểm tra góc vuông.

Cách giải

Hình trên có 2 góc vuông.

Chọn B

Câu 4. Một cửa hàng có 85 000 kg gạo, lần đầu bán được 23 000 kg gạo, lần sau bán được 29 000 kg gạo. Hỏi cửa hàng còn bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 26 000 kg B. 33 000 kg C. 31 000 kg D. 52 000 kg

Phương pháp

- Tìm tổng số kg gạo cửa hàng đã bán

- Tìm số kg gạo cửa hàng còn lại

Cách giải

Tổng số kg gạo cửa hàng đã bán là

$$23\ 000 + 29\ 000 = 52\ 000 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là

$$85\ 000 - 52\ 000 = 33\ 000 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 33 000 kg

Chọn B.

Câu 5. Số?

$$\square : 7 = 11\ 305 \text{ (dư 2)}$$

A. 79 135

B. 79 133

C. 79 105

D. 79 137

Phương pháp

Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia cộng với số dư.

Cách giải

$$\dots : 7 = 11\ 305 \text{ (dư 2)}$$

$$11\ 305 \times 7 + 2 = 79\ 137$$

Vậy số cần tìm là **79 137**.

Chọn D.

Câu 6. Một hình vuông có độ dài cạnh bằng 7 895 mm thì chu vi của hình vuông đó bằng:

A. 31 580 mm

B. 31 940 mm

C. 31 490 mm

D. 31 850 mm

Phương pháp

Chu vi hình vuông = Độ dài cạnh x 4

Cách giải

Chu vi hình vuông đó là

$$7\ 895 \times 4 = 31\ 580 \text{ (mm)}$$

Đáp số: 31 580 mm

Chọn A.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a) $36\ 943 + 8\ 767$

b) $34\ 611 - 25\ 490$

c) $12\ 604 \times 4$

d) $84\ 776 : 4$

Phương pháp giải

- Đặt tính

- Với phép cộng, phép trừ: Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Với phép nhân: Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 36943 \\ + 8767 \\ \hline 45710 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34611 \\ - 25490 \\ \hline 9121 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12604 \\ \times 4 \\ \hline 50416 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84776 \overline{) 4} \\ 04 \overline{) 21194} \\ 07 \\ 37 \\ 16 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $93\ 645 : 9 \times 5$

b) $12\ 740 + 5\ 037 \times 4$

Phương pháp

- Với biểu thức chỉ chứa phép tính nhân, chia thực hiện lần lượt từ trái sang phải
- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Cách giải

a) $93\ 645 : 9 \times 5 = 10\ 405 \times 5$
 $= 52\ 025$

b) $12\ 740 + 5\ 037 \times 4 = 12\ 740 + 20\ 148$
 $= 32\ 888$

Câu 3. >, <, =

a) $16\ \ell \dots\dots\dots 2\ 600\ \text{ml} \times 6$

b) $9\ 155\ \text{g} + 1\ 040\ \text{g} \dots\dots\dots 10\ \text{kg}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\ \ell = 1\ 000\ \text{ml}$; $1\ \text{kg} = 1\ 000\ \text{g}$

Cách giải

a) $16\ \ell \dots\dots\dots 2\ 600\ \text{ml} \times 6$

Đổi $16\ \ell = 16\ 000\ \text{ml}$; $2\ 600\ \text{ml} \times 6 = 15\ 600\ \text{ml}$

Ta có $16\ 000\ \text{ml} > 15\ 600\ \text{ml}$

Vậy $16\ \ell > 2\ 600\ \text{ml} \times 6$

b) $9\ 155\ \text{g} + 1\ 040\ \text{g} \dots\dots\dots 10\ \text{kg}$

Ta có $9\ 155\text{ g} + 1\ 040\text{ g} = 10\ 195\text{ g}$; $10\text{ kg} = 10\ 000\text{ g}$

Mà $10\ 195\text{ g} > 10\ 000\text{ g}$

Vậy $9\ 155\text{ g} + 1\ 040\text{ g} > 10\text{ kg}$

Câu 4. Tính chu vi của khung cửa sổ hình chữ nhật có chiều dài 125 cm và chiều rộng 108 cm.

Phương pháp giải

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Cách giải

Chu vi của khung cửa sổ hình chữ nhật là

$$(125 + 108) \times 2 = 466\text{ (cm)}$$

Đáp số: 466 cm

Câu 5. Trời nắng nóng, Nam đi mua 4 cốc nước mía và 1 quả dứa về cho cả nhà giải khát. Mỗi cốc nước mía có giá 8 000 đồng và mỗi quả dứa có giá 15 000 đồng. Hỏi Nam cần trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

Phương pháp giải

- Tìm giá tiền mua 4 cốc nước mía = giá tiền mua một cốc nước mía x 4

- Tìm số tiền Nam cần trả = Giá tiền mua 4 cốc nước mía + giá tiền mua 1 quả dứa

Cách giải

Tóm tắt

1 cốc nước mía: 8 000 đồng

1 quả dứa: 15 000 đồng

4 cốc nước mía và 1 quả dứa: ? đồng

Bài giải

Mua 4 cốc nước mía hết số tiền là

$$8\ 000 \times 4 = 32\ 000\text{ (đồng)}$$

Nam cần trả người bán hàng số tiền là

$$32\ 000 + 15\ 000 = 47\ 000\text{ (đồng)}$$

Đáp số: 47 000 đồng

ĐỀ 8**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số liền sau của số 75 299 là:

- A. 7 5289 B. 75 298 C. 75 300 D. 75 301

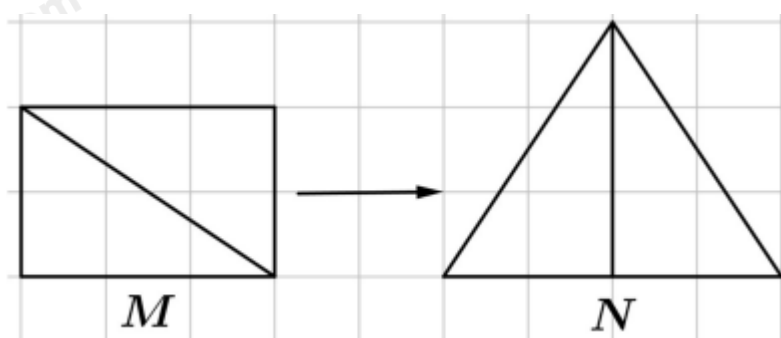
Câu 2. Trong các số 85 723, 78 529, 72 587, 87 525, số lớn nhất là:

- A. 85 723 B. 78 529 C. 72 587 D. 87 525

Câu 3. Trong cùng một năm, ngày 27 tháng 4 là thứ năm thì ngày 1 tháng 5 là:

- A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Tư D. Thứ Năm

Câu 4. Quan sát hình sau, chọn câu đúng:



A. Diện tích hình M lớn hơn diện tích hình N.

B. Diện tích hình M bằng diện tích hình N.

C. Diện tích hình M bé hơn diện tích hình N.

Câu 5. Diện tích của hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 7 cm là:

- A. 84 cm² B. 38 cm C. 38 cm² D. 84 cm

Câu 6. Nam mua 5 quyển vở và đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Nam 35 000 đồng. Vậy mỗi quyển vở Nam mua có giá là:

- A. 13 000 đồng B. 15 000 đồng C. 16 000 đồng D. 18 000 đồng

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a) $16\ 752 + 5308$

.....

.....

.....

b) $72\ 840 - 45\ 117$

.....

.....

.....

c) $14\ 116 \times 7$

.....

.....

c) $85\ 348 : 5$

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $23\ 418 + 51\ 205 : 5$

b) $29\ 491 \times (17\ 380 - 17\ 376)$

.....

Câu 3. Số?

$3\ m = \dots\dots\dots\ mm$

$14\ 000\ ml = \dots\dots\dots\ l$

$5\ kg\ 28\ g = \dots\dots\dots\ g$

$7\ 000\ cm = \dots\dots\dots\ m$

Câu 4. Trong hũ có 5 cái kẹo, trong đó có 3 kẹo màu đỏ và 2 kẹo màu xanh. Bạn Mai nhắm mắt và lấy bất kì 2 cái kẹo trong hũ. Hỏi các sự kiện có thể xảy ra là gì?



.....

Câu 5. Trường tiểu học Minh Khai tổ chức cho giáo viên và học sinh đi tham quan trong đó có 6 chiếc xe ô tô loại 45 chỗ và 1 chiếc xe ô tô loại 30 chỗ là vừa đủ ghế cho tất cả mọi người. Hỏi trường tiểu học Minh Khai đã tổ chức cho bao nhiêu người đi tham quan?

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1

Phương pháp

Muốn tìm số liền sau của một số ta lấy số đó trừ 1.

Cách giải

Số liền sau của số 75 299 là **75 300**.

Chọn C.

Câu 2

Phương pháp

So sánh các số để xác định số lớn nhất.

Cách giải

Ta có $72\ 587 < 78\ 529 < 85\ 723 < 87\ 525$

Vậy số lớn nhất là **87 525**.

Chọn D.

Câu 3. Trong cùng một năm, ngày 27 tháng 4 là thứ năm thì ngày 1 tháng 5 là:

A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Tư D. Thứ Năm

Phương pháp

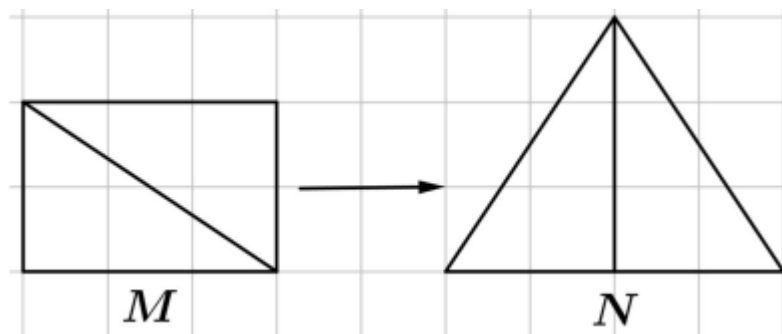
Tháng 4 có 30 ngày, em nhẩm từ ngày 27 tháng 4 là thứ năm đến ngày 1 tháng 5 rồi chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Tháng 4 có 30 ngày, nếu ngày 27 tháng 4 là thứ năm thì ngày 1 tháng 5 là thứ Hai.

Chọn A

Câu 4. Quan sát hình sau, chọn câu đúng:



A. Diện tích hình M lớn hơn diện tích hình N.

B. Diện tích hình M bằng diện tích hình N.

C. Diện tích hình M bé hơn diện tích hình N.

Phương pháp

Đếm số ô vuông ở mỗi hình, so sánh rồi chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

- Hình M gồm 6 ô vuông.
- Hình N gồm 6 ô vuông.

Vậy diện tích hình M bằng diện tích hình N.

Chọn **B**

Câu 5.**Phương pháp**

Diện tích của hình chữ nhật = Chiều dài x chiều rộng

Cách giải

Diện tích của hình chữ nhật là

$$12 \times 7 = 84 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 84 cm²

Chọn **A**.

Câu 6.**Phương pháp**

- Tìm số tiền Nam mua 5 quyển vở = Số tiền Nam đưa cô bán hàng – Số tiền được trả lại
- Tìm giá tiền mỗi quyển vở = số tiền Nam mua 5 quyển vở : 5

Cách giải

Số tiền Nam mua 5 quyển vở là

$$100\ 000 - 35\ 000 = 65\ 000 \text{ (đồng)}$$

Mỗi quyển vở Nam mua có giá là

$$65\ 000 : 5 = 13\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 13 000 đồng

Chọn **A**.

II. TỰ LUẬN**Câu 1****Phương pháp**

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ: Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Với phép nhân: Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 16752 \\ + 5308 \\ \hline 22060 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72840 \\ - 45117 \\ \hline 27723 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14116 \\ \times 7 \\ \hline 98812 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85348 \overline{) 5} \\ 35 \overline{) 17069} \\ 03 \\ 34 \\ 48 \\ 3 \end{array}$$

Câu 2.**Phương pháp**

- a) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.
- b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc ta thực hiện ở trong ngoặc trước

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 23\,418 + 51\,205 : 5 &= 23\,418 + 10\,241 \\ &= 33\,659 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 29\,491 \times (17\,380 - 17\,376) &= 29\,491 \times 4 \\ &= 117\,964 \end{aligned}$$

Câu 3.**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

$$1\text{ m} = 1\,000\text{ mm} ; 1\text{ l} = 1\,000\text{ ml}$$

$$1\text{ kg} = 1\,000\text{ g} ; 1\text{ m} = 100\text{ cm}$$

Cách giải

$$3\text{ m} = \mathbf{3\,000\text{ mm}}$$

$$14\,000\text{ ml} = \mathbf{14\text{ l}}$$

$$5\text{ kg } 28\text{ g} = \mathbf{5\,028\text{ g}}$$

$$7\,000\text{ cm} = \mathbf{70\text{ m}}$$

Câu 4.**Phương pháp**

Mô tả các sự kiện có thể xảy ra khi lấy 2 cái kẹo trong hũ.

Cách giải

Các sự kiện có thể xảy ra khi lấy bất kì 2 cái kẹo trong hũ là:

- Mai có thể lấy được 2 chiếc kẹo màu đỏ

- Mai có thể lấy được 2 chiếc kẹo màu xanh
- Mai có thể lấy được 1 chiếc kẹo màu đỏ, 1 chiếc kẹo màu xanh

Câu 5.**Phương pháp**

- Tìm số người trên các xe loại 45 chỗ = Số người trên mỗi xe x số xe loại 45 chỗ
- Tìm số người đi tham quan tất cả = Số người trên xe 45 chỗ + số người trên xe 30 chỗ.

Cách giải

Tóm tắt

Xe 45 chỗ: 6 xe

Xe 30 chỗ: 1 xe

Tất cả: ? người

Bài giải

Số người trên các xe ô tô loại 45 chỗ là

$$45 \times 6 = 270 \text{ (người)}$$

Số người đi tham quan của trường tiểu học Minh Khai là

$$270 + 30 = 300 \text{ (người)}$$

Đáp số: 300 người

Câu 2. Tìm x , biết:

a) $x : 8 = 7386$

b) $4 \times x = 80084$

Câu 3. Gia đình bác Minh đã mua 2 xe ô tô gạch, mỗi xe chở 4 500 viên gạch. Sau 2 ngày, những người thợ xây đã xây hết 2 383 viên gạch. Hỏi còn bao nhiêu viên gạch chưa xây?

Câu 4. Một hình chữ nhật có chu vi bằng 164 m, chiều dài là 52 m. Chiều rộng hình chữ nhật là bao nhiêu?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số liền trước của số bé nhất có 5 chữ số là:

A. 9 999

B. 10 000

C. 10 001

D. 99 999

Phương pháp

- Xác định số bé nhất có 5 chữ số.
- Để tìm số liền trước của một số ta lấy số đó trừ đi 1

Cách giải

Số bé nhất có 5 chữ số là 10 000.

Số liền trước của 10 000 là 9 999.

Chọn A

Câu 2. Một hình vuông có chu vi là 28 cm thì cạnh của hình vuông có độ dài là:

A. 6 cm

B. 49 cm

C. 14 cm

D. 7 cm

Phương pháp

Độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4

Cách giải

Độ dài cạnh hình vuông là $28 : 4 = 7$ (cm)

Chọn D.

Câu 3. Cho $6 \text{ m} = \dots \text{ mm}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 60 B. 600 C. 6 000 D. 60 000

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ m} = 1\,000 \text{ mm}$

Cách giải

$6 \text{ m} = 6\,000 \text{ mm}$

Chọn C

Câu 4. Khẳng định nào dưới đây là sai?

- A. 1 năm có 12 tháng
 B. Tháng 6 có 31 ngày
 C. $8 \text{ m} = 80 \text{ dm}$
 D. $7 \text{ phút} = 420 \text{ giây}$

Phương pháp

Đọc mỗi câu rồi chọn câu sai.

Cách giải

Khẳng định sai là: Tháng 6 có 31 ngày

Chọn B

Câu 5. Dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp để điền vào chỗ chấm là: $58\,956 \dots 68\,832 - 9\,867$

- A. $>$, B. $<$ C. $=$

Phương pháp

Tính giá trị vế phải rồi so sánh hai vế.

Cách giải

$68\,832 - 9\,867 = 58\,965$

Ta có $58\,956 < 58\,965$

Vậy $58\,956 < 68\,832 - 9\,867$

Câu 6. Mai vào cửa hàng mua 2 thanh sô-cô-la và 1 gói bánh. Biết 1 thanh sô-cô-la có giá 26 000 đồng và 1 gói bánh có giá 34 000 đồng. Hỏi Mai mua hết bao nhiêu tiền?

- A. 86 000 đồng B. 60 000 đồng C. 78 000 đồng D. 65 000 đồng

Phương pháp

- Tìm giá tiền mua 2 thanh sô-cô-la = giá tiền mua một thanh sô-cô-la x 2
- Tìm giá tiền Mai đã mua sô-cô-la và gói bánh

Cách giải

Giá tiền mua 2 thanh sô-cô-la là

$$26\ 000 \times 2 = 52\ 000 \text{ (đồng)}$$

Mai mua sô-cô-la và gói bánh hết số tiền là

$$52\ 000 + 26\ 000 = 78\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 78 000 đồng

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $31\ 826 + 16\ 419$ b) $27\ 650 - 2\ 854$ c) $10\ 319 \times 7$ d) $63\ 965 : 5$

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép cộng, trừ: Thực hiện cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Với phép nhân: Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Thực hiện chia từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 31826 \\ + 16419 \\ \hline 48245 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27650 \\ - 2854 \\ \hline 24796 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63965 \overline{) 5} \\ 13 \overline{) 12793} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10319 \\ \times 7 \\ \hline 72233 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ \times 46 \\ \hline 15 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x, biết:

- a) $x : 8 = 7\ 386$ b) $4 \times x = 80084$

Phương pháp

- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia
- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số kia

Cách giải

a) $x : 8 = 7\ 386$

$$x = 7\ 386 \times 8$$

$$x = 59\ 088$$

$$\text{b) } 4 \times x = 80\ 084$$

$$x = 80\ 084 : 4$$

$$x = 20\ 021$$

Câu 3. Gia đình bác Minh đã mua 2 xe ô tô gạch, mỗi xe chở 4 500 viên gạch. Sau 2 ngày, những người thợ xây đã xây hết 2 383 viên gạch. Hỏi còn bao nhiêu viên gạch chưa xây?

Phương pháp

- Tìm số viên gạch 2 xe chở được = Số viên gạch mỗi xe chở được \times 2
- Tìm số viên gạch còn lại = Số viên gạch 2 xe chở - số viên gạch đã xây

Cách giải

Tóm tắt

Đã mua: 2 xe

Mỗi xe: 4500 viên gạch

Đã xây: 2 383 viên gạch

Còn lại? viên gạch

Bài giải

Số viên gạch bác Minh đã mua là

$$4\ 500 \times 2 = 9\ 000 \text{ (viên)}$$

Số viên gạch còn lại là

$$9\ 000 - 2\ 383 = 6\ 617 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 6 617 viên gạch

Câu 4. Một hình chữ nhật có chu vi bằng 164 m, chiều dài là 52 m. Chiều rộng hình chữ nhật là bao nhiêu?

Phương pháp

- Tìm nửa chu vi hình chữ nhật = Chu vi hình chữ nhật : 2
- Chiều rộng hình chữ nhật = Nửa chu vi hình chữ nhật – chiều dài

Cách giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là

$$164 : 2 = 82 \text{ (m)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là

$$82 - 52 = 30 \text{ (m)}$$

Đáp số: 30 m

ĐỀ 10**I. TRẮC NGHIỆM**

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

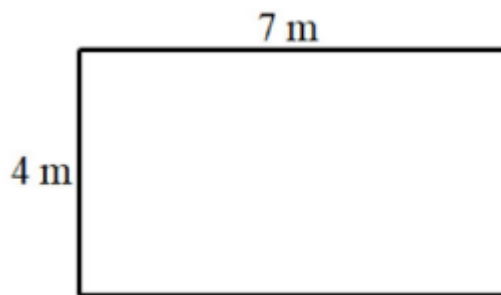
Câu 1. Số liền sau của số bé nhất có 5 chữ số là:

- A. 9 999 B. 10 000 C. 10 001 D. 99 999

Câu 2. Giá trị của chữ số 3 trong số 93 658 là:

- A. 30 000 B. 30 C. 300 D. 3 000

Câu 3. Cho hình vẽ sau:



Chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. 11 m B. 28 m C. 22 m D. 24 m

Câu 4. Số thích hợp $2 \text{ kg } 7 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ g}$

- A. 2070 B. 2007 C. 207 D. 2700

Câu 5. Bạn Mai mua 2 quyển vở cùng loại và đưa cho người bán hàng tờ 50 000 đồng và người bán hàng trả lại 26 000 đồng. Hỏi mỗi quyển vở có giá bao nhiêu tiền?

- A. 13 000 đồng B. 12 000 đồng C. 17 000 đồng D. 9 000 đồng

Câu 6. Một chiếc bánh hình vuông có chu vi bằng 20 cm. Diện tích chiếc bánh đó là:

- A. 20 cm^2 B. 16 cm^2 C. 25 cm^2 D. 36 cm^2

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$57\,294 + 5\,342$

$83\,632 - 26\,415$

$19\,482 \times 5$

$84\,776 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Tìm x, biết:

$x : 5 = 9\,266$

$24\,893 - x = 10\,027$

.....

.....

.....

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $4 \times (4938 + 7050)$

b) $10\,000 - 1\,241 \times 8$

Câu 4. Có 1 960 thùng hàng cần chuyển đến các siêu thị. Người ta đã vận chuyển được 4 quyển, mỗi chuyển 230 thùng hàng. Hỏi còn bao nhiêu thùng hàng chưa được chuyển đi?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1. Số liền sau của số bé nhất có 5 chữ số là:

A. 9 999

B. 10 000

C. 10 001

D. 99 999

Phương pháp

Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số bé nhất có 5 chữ số là 10 000.

Vậy số liền sau của số bé nhất có 5 chữ số là 9 999

Chọn A

Câu 2. Giá trị của chữ số 3 trong số 93 658 là:

A. 30 000

B. 30

C. 300

D. 3 000

Phương pháp

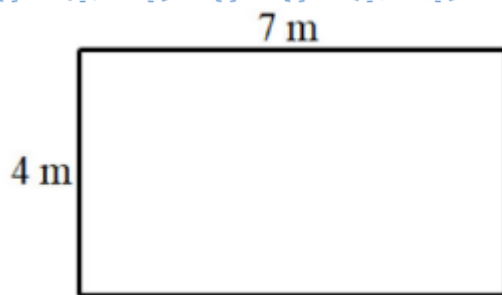
Xác định hàng của chữ số 3 từ đó xác định giá trị của chữ số đó.

Cách giải

Chữ số 3 trong số 93 658 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 3 000.

Chọn D

Câu 3. Cho hình vẽ sau:



Chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. 11 m B. 28 m C. 22 m D. 24 m

Phương pháp

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Cách giải

Chu vi của hình chữ nhật đó là $(7 + 4) \times 2 = 22$ (m)

Chọn **C**

Câu 4. Số thích hợp $2 \text{ kg } 7 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ g}$

- A. 2070 B. 2007 C. 207 D. 2700

Phương pháp

Áp dụng cách đổi $1 \text{ kg} = 1\,000 \text{ g}$

Cách giải

Đổi: $2 \text{ kg } 7 \text{ g} = 2007 \text{ g}$

Chọn **B**

Câu 5. Bạn Mai mua 2 quyển vở cùng loại và đưa cho người bán hàng tờ 50 000 đồng và người bán hàng trả lại 26 000 đồng. Hỏi mỗi quyển vở có giá bao nhiêu tiền?

- A. 13 000 đồng B. 12 000 đồng C. 17 000 đồng D. 9 000 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền mua 2 quyển vở = số tiền Mai đưa – số tiền được trả lại

- Giá tiền mỗi quyển vở = Giá tiền mua 2 quyển vở : 2

Cách giải

Giá tiền mua 2 quyển vở là $50\,000 - 26\,000 = 24\,000$ (đồng)

Mỗi quyển vở có giá tiền là $24\,000 : 2 = 12\,000$ (đồng)

Đáp số: 12 000 đồng

Chọn **B**

Câu 6. Một chiếc bánh hình vuông có chu vi bằng 20 cm. Diện tích chiếc bánh đó là:

- A. 20 cm^2 B. 16 cm^2 C. 25 cm^2 D. 36 cm^2

Phương pháp

- Độ dài cạnh hình vuông = Chu vi : 4
- Diện tích chiếc bánh đó là = Cạnh x cạnh

Cách giải

Độ dài cạnh của chiếc bánh hình vuông là $20 : 4 = 5$ (cm)

Diện tích chiếc bánh là $5 \times 5 = 25$ (cm²)

Chọn **C**

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$57\,294 + 5\,342$$

$$83\,632 - 26\,415$$

$$19\,482 \times 5$$

$$84\,776 : 4$$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo quy tắc đã học

Cách giải

$$\begin{array}{r} 57\,294 \\ + 5\,342 \\ \hline 62\,636 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83\,632 \\ - 26\,415 \\ \hline 57\,217 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19\,482 \\ \times 5 \\ \hline 97\,410 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84\,776 \overline{) 4} \\ 04 \overline{) 21194} \\ 07 \\ 37 \\ 16 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x, biết:

$$x : 5 = 9\,266$$

$$24\,893 - x = 10\,027$$

Phương pháp

- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Cách giải

$$x : 5 = 9\,266$$

$$x = 9\,266 \times 5$$

$$x = 46\,330$$

$$24\,893 - x = 10\,027$$

$$x = 24\,893 - 10\,027$$

$$x = 14\,866$$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $4 \times (4\,938 + 7\,050)$

b) $10\,000 - 1\,241 \times 8$

Phương pháp

a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện ở trong ngoặc trước

b) Với biểu thức có chứa phép tính trừ và nhân, ta thực hiện phép nhân trước, thực hiện phép trừ sau

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 4 \times (4\,938 + 7\,050) &= 4 \times 11\,988 \\ &= 47\,952 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 10\,000 - 1\,241 \times 8 &= 10\,000 - 9\,928 \\ &= 72 \end{aligned}$$

Câu 4. Có 1 960 thùng hàng cần chuyển đến các siêu thị. Người ta đã vận chuyển được 4 chuyến, mỗi chuyến 230 thùng hàng. Hỏi còn bao nhiêu thùng hàng chưa được chuyển đi?

Phương pháp

- Tìm số thùng hàng đã chuyển = Số thùng hàng mỗi chuyến chở được x số chuyến
- Tìm số thùng hàng chưa được chuyển đi

Cách giải

Số thùng hàng đã chuyển là:

$$230 \times 4 = 920 \text{ (thùng hàng)}$$

Số thùng hàng chưa được chuyển đi là

$$1\,960 - 920 = 1\,040 \text{ (thùng hàng)}$$

Đáp số: 1 040 thùng hàng